

Bản án số: 57/2024/HS-PT

Ngày: 29-02-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Uyên Thy.

Các Thẩm phán: 1. Bà Đoàn Thị Hương Giang

2. Bà Nguyễn Huỳnh Mai Tâm Quyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 20/2024/HSPT ngày 16 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo Phạm Xuân C, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2023/HS-ST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Xuân C; Sinh năm: 1974 tại: Q; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn P, xã T, huyện P, tỉnh Q; Chỗ ở hiện nay: nhà không số, tổ A, ấp A, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 07/12; Nghề nghiệp: Làm nông; Con ông Phạm T và bà Lương Thị T1; Bị cáo có vợ và 02 con, con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2005; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Đoàn Trí P, là Luật sư của Văn phòng L2, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

Bị hại:

1. Bà Trần Thị N, sinh năm: 1971 (vắng mặt)

Địa chỉ: C, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị L, sinh năm: 1968 (vắng mặt)

Địa chỉ: C, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 19/3/2022, Phạm Xuân C điều khiển xe mô tô gắn biển số 81L1 - 003.48 kéo theo thùng lôi tự chế chở khoảng 200 bó rau muống có phủ tấm vải màu đỏ kích thước dài 2,6 m, ngang 1,9 m để che chắn cho rau không bị rơi rớt, lưu thông trên đường N hướng từ đường Đ đến Đỗ Văn D để đến chợ đầu mối Nông sản thực phẩm H. Khi đến trước nhà số C ấp T, xã T, huyện H, C điều khiển xe vượt lên bên trái xe mô tô biển số 53Y7-1368 do Trần Thị N điều khiển chở phía sau Trần Thị L đang lưu thông cùng chiều phía trước, đã để tấm vải màu đỏ được trùm trên thùng lôi tự chế va chạm với tay cầm lái bên trái xe mô tô biển số 53Y7-1368 làm xảy ra tai nạn. Hậu quả: Trần Thị N bị thương nặng, Trần Thị L bị thương và được Nguyễn Hoàng Anh T2 đưa đi cấp cứu. C không biết đã gây tai nạn nên điều khiển xe đến chợ N2 thực phẩm H bán rau muống và uống rượu, đến khoảng 23 giờ cùng ngày C điều khiển xe quay về, khi đi ngang hiện trường vụ tai nạn thì bị Nguyễn Hoàng Anh T2 phát hiện và báo Công an giao thông giữ lại làm việc.

Ngày 17/6/2022, Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận số 466/TgT.22 như sau: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại cho Trần Thị L là 04% (bốn phần trăm).

Ngày 27/6/2022, Trung tâm pháp y Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận số 486/TgT.22 như sau: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại cho Trần Thị N là 78% (bảy mươi tám phần trăm).

Ngày 30/6/2022, Phân viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận số 3111/KL-KTHS như sau:

1. Không phát hiện thấy dấu vết va chạm giữa xe mô tô biển số 81L1 – 003.48 kéo theo lôi tự chế và xe mô tô biển số 53Y7 – 1368.

Dấu vết trượt xước các chi tiết bên trái xe mô tô biển số 53Y7 – 1368 (đầu tay lái, để chân trước, để chân sau) có chiều từ trước về sau phù hợp với va chạm với mặt đường.

2. Dấu vết trượt rách phía sau bên phải tấm vải màu đỏ (có kích thước dài 2,6 mét; ngang 1,9 mét) trùm lên phần lôi tự chế gắn với xe mô tô biển số 81L1-003.48 có chiều từ trước về sau phù hợp với dấu vết trượt bám dính vải sợi màu đỏ mặt ngoài đầu tay lái bên trái của xe mô tô biển số 53Y7-1368, có chiều từ sau về trước.

3. Khi xảy ra va chạm, xe mô tô biển số 81L1-003.48 kéo theo lôi tự chế chuyển động thẳng trên đường N theo hướng từ đường Đ đến đường Đ, xe mô tô biển số 53Y7-1368 chuyển động ở trạng thái thẳng đứng, bên phải cùng chiều.

4. Tại thời điểm va chạm xe mô tô biển số 81L1-003.48 kéo theo lôi tự chế chuyển động nhanh hơn xe mô tô biển số 53Y7-1368.

Nơi xảy ra tai nạn là đường Nguyễn Thị N1 rộng 6 mét 60, được tráng nhựa tương đối bằng phẳng, áp dụng lưu thông hai chiều, ở giữa có vạch sơn đơn không liên tục để phân chia hai chiều đường lưu thông, mỗi chiều đường này rộng đều nhau là 3 mét 30, nơi đây không có chướng ngại vật hay biển báo gì.

Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tai nạn giao thông do Phạm Xuân C điều khiển xe mô tô kéo theo thùng lôi tự chế (chở rau muống, có tấm vải trùm lên để che chắn rau không bị ướt) không đúng quy định, lưu thông vượt xe phía trước cùng chiều không giữ khoảng cách, không đảm bảo an toàn đã để tấm vải trùm trên thùng lôi tự chế đụng vào tay cầm lái bên trái của xe mô tô biển số 53Y7-1368 đang lưu thông cùng chiều phía trước làm xảy ra tai nạn. Do đó, C vi phạm vào Điều 14, Điều 30 của Luật giao thông đường bộ Việt Nam. Trần Thị N có lỗi điều khiển xe mô tô biển số 53Y7-1368 có dung tích 97cm³ không có giấy phép lái xe theo quy định. Do đó, N vi phạm vào Điều 8, Điều 58 của Luật giao thông đường bộ Việt Nam, tuy nhiên đây là lỗi vi phạm hành chính.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 282/2023/HS-ST ngày 05/12/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Xử phạt bị cáo Phạm Xuân C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/8/2023 bị cáo Phạm Xuân C có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Phạm Xuân C trình bày: Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã xác định và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh kinh tế rất khó khăn đang nuôi 2 con còn tuổi đi học, bị cáo đã bồi thường thêm 75.000.000 đồng cho 2 bị hại và đã được 2 bị hại làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời khai của bị cáo Phạm Xuân C tại phiên tòa phúc thẩm, nhận thấy bản án sơ thẩm đã tuyên là đúng người, đúng tội, nhưng mức án có phần nghiêm khắc so với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo bổ sung giấy xác nhận đã bồi thường thêm cho 2 bị hại tổng số tiền là 75.000.000 đồng và 2 bị hại đã bãi nại cho bị cáo, đây tình tiết mới, ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền là 9.000.000 đồng và cho bà Trần Thị N số tiền 91.000.000

đồng, tuy nhiên lại ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bà L số tiền chi phí điều trị từ ngày 19/3/2022 đến ngày 05/4/2022 với số tiền là 15.000.000 đồng là không chính xác với thực tế, vì bị cáo chỉ bồi thường cho bà L số tiền 2.000.000 đồng và bồi thường cho bà N số tiền là 15.000.000 đồng như phần trên của bản án sơ thẩm đã nhận định, do đó cần phải sửa bản án sơ thẩm về vấn đề này. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, giảm cho bị cáo từ 03 tháng đến 06 tháng tù, buộc bị cáo phải chấp hành mức hình phạt là 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Phạm Xuân C trình bày: đồng ý với tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo C, tuy nhiên Luật sư cho rằng mức án mà Tòa cấp sơ thẩm xử phạt là quá nặng so với hành vi của bị cáo vì bị cáo mới phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo học vấn thấp, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động phổ thông, đang nuôi 2 con nhỏ, bị cáo có bồi thường thêm 75.000.000 đồng cho 2 bị hại và 2 bị hại đã bãi nại cho bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo C được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội chăm lo cho gia đình.

Bị cáo Phạm Xuân C không có ý kiến tranh luận và lời nói sau cùng bị cáo rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng án treo để về làm việc nuôi hai con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

[2] Căn cứ vào lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Xuân C tại phiên tòa cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định: Vào khoảng 20 giờ 45 phút ngày 19/3/2022, tại trước nhà số D ấp T, xã T, huyện H, bị cáo Phạm Xuân C điều khiển xe mô tô biển số 81L1-003.48 kéo theo thùng lôi tự chế chở rau muống phía sau, vượt lên bên trái xe mô tô biển số 53Y2-1368 do bà Trần Thị N điều khiển, chở phía sau là bà Trần Thị L. Sau đó, tấm vải màu đỏ trùm trên thùng lôi tự chế của bị cáo va chạm với tay cầm lái bên trái của xe mô tô do bà N điều khiển, hậu quả làm cho bà N và bà L té ngã xuống đường.

Bị cáo Phạm Xuân C đã điều khiển phương tiện giao thông không đúng quy định, cho xe vượt lên xe phía trước xe cùng chiều nhưng không giữ khoảng cách, không đảm bảo an toàn, để xảy ra tai nạn và gây thương tích cho 2 người, với tỉ lệ thương tích của bà Trần Thị L là 04% và bà Trần Thị N là 78%. Do đó, hành vi của bị cáo C đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân C, Hội đồng xét xử xét thấy khi lượng hình Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho các bị hại, là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài ra, trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo C đã bồi thường thêm cho bà Trần Thị L số tiền 7.000.000 đồng và bà Trần Thị N số tiền 68.000.000 đồng và các bị hại cũng làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật thấp, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội có phần hạn chế, bị cáo là lao động chính trong gia đình có hoàn cảnh khó khăn, đang nuôi 2 con nhỏ. Trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thêm 7.000.000 đồng cho bà Trần Thị L và 68.000.000 đồng cho bà Trần Thị N, các bị hại cũng làm đơn bãi nại cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 mà cấp sơ thẩm chưa xem xét cho bị cáo và mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc với tính chất, hành vi phạm tội.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải, có khả năng tự cải tạo và có nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Từ khi được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay, bị cáo đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật và chấp hành tốt lệnh triệu tập của cơ quan tiến hành tố tụng. Việc bắt giam bị cáo trở lại là không cần thiết, nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, chấp nhận cho bị cáo Phạm Xuân C được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân C, sửa bản án sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên buộc bị cáo phải bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền là 9.000.000 đồng và cho bà Trần Thị N số tiền 91.000.000 đồng, tuy nhiên lại ghi nhận việc bị cáo đã bồi thường cho bà L số tiền chi phí điều trị từ ngày 19/3/2022 đến ngày 05/4/2022 với số tiền là 15.000.000 đồng là không chính xác với thực tế là đã bồi thường cho bà N số tiền này chứ không phải cho bà L; mà chỉ bồi thường cho bà L số tiền là 2.000.000 đồng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm, nên Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về vấn đề này.

[4] Lập luận trên là căn cứ để chấp nhận một phần đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và chấp nhận luận cứ bào chữa của Luật sư.

[5] Về án phí: Bị cáo Phạm Xuân C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Xuân C; sửa Bản án sơ thẩm số 183/2023/HSST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 260; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt **Phạm Xuân C** 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 3 (ba) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Phạm Xuân C cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Buộc bị cáo Phạm Xuân C bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền 9.000.000 đồng và bà Trần Thị N số tiền 91.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo C đã tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền là 2.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo C đã tự nguyện bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền là 15.000.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo C đã tự nguyện bồi thường thêm cho bà Trần Thị L số tiền 7.000.000 đồng và bà Trần Thị N số tiền 68.000.000 đồng.

Tổng cộng, bị cáo Phạm Xuân C đã bồi thường cho bà Trần Thị L số tiền 2.000.000 đồng + 7.000.000 đồng = 9.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Xuân C đã bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền 15.000.000 đồng + 68.000.000 đồng = 83.000.000 đồng. Buộc bị cáo tiếp tục bồi thường cho bà Trần Thị N số tiền còn lại là 8.000.000 đồng.

Bị cáo Phạm Xuân C không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo Phạm Xuân C)

Nơi nhận:

- TANDTC; (1)
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM; (1)
- VKSND Cấp cao tại Tp.HCM; (2)
- VKSND TP.HCM; (2)
- VKSND huyện Hóc Môn; (1)
- P.PV06- CATP.HCM; (1)
- Bị cáo; (1)
- Bị hại; (2)
- Chi cục THADS Hóc Môn; (1)
- TAND huyện Hóc Môn; (1)
- Công an huyện Hóc Môn; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu Tòa Hình sự, hồ sơ (22). (5)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Uyên Thy